

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 201/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v ly hôn giữa ông S và bà K.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân

2. Bà Trần Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh : Bà Dương Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số: 603/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số X, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K có đăng ký kết hôn năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số A quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/01/2009.

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, do bà K mê cờ bạc nợ tiền xã hội đen, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân, nay ông Nguyễn Văn S yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị K để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Đức Hữu H, sinh ngày 17/8/2009; Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2012, khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công K chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà K nhưng bà K vẫn vắng mặt không lý do.

Ngoài ra tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không có thỏa thuận gì khác để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm: Phiên tòa được mở đúng thời gian, địa điểm, Hội đồng xét xử đúng thành phần. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè nhận định:

[1] Xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 01 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/01/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K là hợp pháp. Ông Nguyễn Văn S xin ly hôn bà Nguyễn Thị K. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả xác minh từ Công an xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/2/2020 thì bà Nguyễn Thị K có đăng ký và thực tế cư trú tại địa chỉ X, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị K mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu

thuần do bà K mê cờ bạc nợ tiền xã hội đen không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Theo Kết quả xác minh của Hội phụ nữ xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K chưa đến Hội liên hiệp phụ nữ xã để trình bày về chuyện mâu thuẫn của hai ông bà.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với ông S cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên bà K vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà K là hoàn toàn có thật, bà K không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của gia đình và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là trẻ Nguyễn Đức Hữu H, sinh ngày 17/8/2009; Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay trẻ H, H1 đang do ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ phát triển tốt. Cả hai trẻ cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ trẻ ly hôn, do đó yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trẻ H, H1 của ông S khi ly hôn là có căn cứ và được chấp nhận.

Về chia tài sản chung: Ông S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông S xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K.

Về nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đức Hữu H, sinh ngày 17/8/2009; Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2012 cho ông Nguyễn Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị K đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông S K không có.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Văn S đã nộp theo biên lai số 0034766 ngày 24/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Ngọc Diệp